

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Biểu 7
ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THÁNG 6 NĂM 2025

A. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

Stt	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Ngành Sư phạm Toán học	18	1	2	15	5	
2	Ngành Sư phạm Tin học	9		4	5		
3	Ngành Sư phạm Vật lý	10	1	3	6	2	
4	Ngành Sư phạm Sinh học	12			12	7	
5	Ngành Sư phạm Hóa học	15		1	14	9	
6	Ngành Sư phạm Lịch sử	16	2	2	12	3	
7	Ngành Sư phạm Địa lý	13		2	11	4	
8	Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị	16		6	10		
9	Ngành Sư phạm Ngữ văn	16		2	14	4	
10	Ngành Sư phạm Giáo dục học	6		2	4	2	
11	Ngành Sư phạm Tâm lý học giáo dục	7			7	3	
12	Ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non	36	1	7	28	6	
13	Ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học	33		15	18	5	
14	Ngành Sư phạm Tiếng Anh	18	2	12	4		
15	Ngành Sư phạm Giáo dục Thể chất	19		13	6		
16	Ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên	8	1	4	3	1	
17	Môn chung	10		7	3		
	Tổng số	262	8	82	172	51	

B. Công khai thông tin về danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ	Chức danh (GS,PGS)	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu chính
	Khoa Toán							
1	Bùi Thế Hùng	1980	Nam	TS		Giải tích	Toán học	Toán học

Ng3

2	Bùi Thị Hạnh Lâm	1980	Nữ	TS		LL&PPD H Toán	Toán học	Toán học
3	Đỗ Thị Trinh	1977	Nữ	TS	PGS	LL&PPD H Toán	Toán học	Toán học
4	Giáp Văn Sự	1989	Nam	TS		Toán học	Toán học	Toán học
5	Hoàng Ngọc Yến	1991	Nữ	TS		Toán học	Toán học	Toán học
6	Nguyễn Thị Ánh Hằng	1991	Nữ	Th.S		Toán học	Toán học	Toán học
7	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1969	Nữ	TS		Toán học	Toán học	Toán học
8	Nguyễn Văn Ninh	1987	Nam	Th.S		Hình học	Toán học	Toán học
9	Nguyễn Văn Thìn	1988	Nam	TS		Giải tích	Toán học	Toán học
10	Phạm Thị Thủy	1972	Nữ	TS		Giải tích	Toán học	Toán học
11	Phan Thị Phương Thảo	1977	Nữ	TS		LL&PPD H Toán	Toán học	Toán học
12	Trần Đình Hùng	1984	Nam	TS		Toán học TT	Toán học	Toán học
13	Trần Huệ Minh	1977	Nữ	TS		Hình học	Toán học	Toán học
14	Trần Nguyên An	1981	Nam	TS	PGS	Đại số	Toán học	Toán học
15	Trần Việt Cường	1982	Nam	TS	PGS	LL&PPD H toán	Toán học	Toán học
16	Trịnh Thị Phương Thảo	1984	Nữ	TS	PGS	LL&PPD H Toán	Toán học	Toán học
17	Hà Trần Phương	1971	Nam	TS	PGS	Giải tích	Toán học	Toán học
18	Lê Thị Diễm Quỳnh	2001	Nữ	ĐH		SP Toán	Toán học	Toán học
19	Lê Bích Liên	1982	Nữ	Th.S		Khoa học MT	Tin học	Tin học
20	Ngô Thị Tú Quyên	1978	Nữ	TS		LL&PPD H Toán	Tin học	Tin học
21	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	Nữ	TS		Công nghệ TT	Tin học	Tin học

Nguyễn Anh

22	Nguyễn Văn Trường	1978	Nam	TS		Công nghệ TT	Tin học	Tin học
23	Phạm Văn Tiến	1969	Nam	Th.S		Công nghệ TT	Tin học	Tin học
24	Trần Ngọc Hà	1984	Nam	TS		Công nghệ TT	Tin học	Tin học
25	Vũ Đức Quang	1991	Nam	TS		Tin học	Tin học	Tin học
26	Vũ Anh Tuấn	1978	Nam	Th.S		Công nghệ TT	Tin học	Tin học
27	Lưu Phương Thảo	1978	Nữ	TS		Đại số & LT số	Toán học	Toán học
28	Trần Đỗ Minh Châu	1981	Nữ	TS		Đại số	Toán học	Toán học
	Khoa Vật lý							
29	Chu Việt Hà	1982	Nữ	TS	PGS	VL chất rắn	Vật lý	Vật lý
30	Đặng Thị Hương	1985	Nữ	Th.S		LL&PPD H Vật lý	Vật lý	Vật lý
31	Đỗ Thị Huế	1987	Nữ	TS	PGS	VL chất rắn	Vật lý	Vật lý
32	Dương Thị Hà	1988	Nữ	TS		Vật lý	Vật lý	Vật lý
33	Giáp Thị Thùy Trang	1987	Nữ	TS		Vật lý kỹ thuật	Vật lý	Vật lý
34	Khúc Hùng Việt	1985	Nam	Th.S		Vật lý	Vật lý	Vật lý
35	Lê Thị Hồng Gấm	1983	Nữ	Th.S		Vật lý	Vật lý	Vật lý
36	Nguyễn Thị Minh Thủy	1981	Nữ	TS		khoa học vật liệu	Vật lý	Vật lý
37	Phạm Mai An	1975	Nam	TS		VL điện tử	Vật lý	Vật lý
38	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	2001	Nữ	ĐH		SP vật lý	Vật lý	Vật lý
39	Nguyễn Thanh Bình	1986	Nam	TS	PGS	Vật lý chất rắn	Vật lý	Vật lý

Nguyễn Anh

40	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	Nữ	TS	PGS	VL chất rắn	Vật lý	Vật lý
41	Ngô Tuấn Ngọc	1980	Nam	Th.S		VL kỹ thuật	Vật lý	Vật lý
42	Nguyễn Quang Hải	1978	Nam	Th.S		Tự động hóa	Vật lý	Vật lý
43	Nguyễn Thị Thu Hà	1982	Nữ	TS		LL&PPD H Vật lý	Vật lý	Vật lý
44	Phạm Hữu Kiên	1980	Nam	TS	PGS	VL kỹ thuật	Vật lý	Vật lý
45	Phan Đình Quang	1969	Nam	Th.S		LL&PPD H Vật lý	Vật lý	Vật lý
46	Nguyễn Hữu Thăng	1980	Nam	ĐH		Vật lý	Vật lý	Vật lý
	Khoa Hóa học							
47	Chu Mạnh Nhương	1983	Nam	TS	PGS	Hóa PT	Hóa học	Hóa học
48	Đinh Thúy Vân	1987	Nữ	TS		Hóa HC	Hóa học	Hóa học
49	Đỗ Trà Hương	1969	Nữ	TS	PGS	Hóa Lý	Hóa học	Hóa học
50	Dương Ngọc Toàn	1983	Nam	TS	PGS	Hóa HC	Hóa học	Hóa học
51	Dương Thị Tú Anh	1970	Nữ	TS	PGS	Hóa PT	Hóa học	Hóa học
52	Ngô Thị Mai Việt	1979	Nữ	TS	PGS	Hóa PT	Hóa học	Hóa học
53	Nguyễn Thị Hiền Lan	1972	Nữ	TS	PGS	Hóa VC	Hóa học	Hóa học
54	Nguyễn Thị Thanh Hương	1972	Nữ	TS		Hóa HC	Hóa học	Hóa học
55	Phạm Thị Hà Thanh	1976	Nữ	TS		Hóa VC	Hóa học	Hóa học
56	Phạm Văn Khang	1982	Nam	TS	PGS	Hóa HC	Hóa học	Hóa học
57	Trần Quốc Toàn	1984	Nam	TS	PGS	Hóa PT	Hóa học	Hóa học
58	Vũ Văn Nhượng	1982	Nam	TS		Hóa MT	Hóa học	Hóa học
59	Nguyễn Trường Giang	1994	Nam	Th.S		Hoá vô cơ	Hóa học	Hóa học
60	Bùi Đức Nguyên	1977	Nam	TS	PGS	Hóa vô cơ	Hóa học	Hóa học

Nguyễn An

61	Lê Huy Hoàng	1985	Nam	TS		LL&PPD H Hóa	Hóa học	Hóa học
62	Nguyễn Thị Tố Loan	1981	Nữ	TS	PGS	Hóa VC	Hóa học	Hóa học
63	Mai Xuân Trường	1973	Nam	TS	PGS	Hóa phân tích	Hóa học	Hóa học
64	Phạm Hồng Chuyên	1978	Nữ	Th.S		Hóa PT	Hóa học	Hóa học
65	Trần Thị Huế	1986	Nữ	TS		Hóa học	Hóa học	Hóa học
	Khoa Sinh học							
66	Chu Hoàng Mậu	1958	Nam	TS	GS	Sinh	Sinh học	Sinh học
67	Hoàng Thanh Tâm	1989	Nữ	TS		Sinh học	Sinh học	Sinh học
68	Hoàng Văn Ngọc	1976	Nam	TS	PGS	Động vật học	Sinh học	Sinh học
69	Nguyễn Đức Hùng	1986	Nam	TS	PGS	Sinh được học	Sinh học	Sinh học
70	Nguyễn Thị Hằng	1976	Nữ	TS		LL&PPD H Sinh học	Sinh học	Sinh học
71	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Nữ	TS	PGS	Sinh lý TV	Sinh học	Sinh học
72	Nguyễn Việt Thắng	1983	Nam	TS		Khoa học môi trường	Sinh học	Sinh học
73	Nguyễn Vũ Bảo	1989	Nam	TS		Sinh học	Sinh học	Sinh học
74	Phạm Thị Hồng Tú	1973	Nữ	TS		LL&PPD H Sinh học	Sinh học	Sinh học
75	Phạm Thị Thanh Nhân	1982	Nữ	TS	PGS	Di truyền học	Sinh học	Sinh học
76	Vũ Thị Thu Thủy	1975	Nữ	TS	PGS	Di truyền học	Sinh học	Sinh học
77	Nguyễn Hữu Quân	1985	Nam	TS	PGS	Sinh học TN	Sinh học	Sinh học

Nguyễn An

78	Nguyễn Phúc Chính	1962	Nam	TS	PGS	LL&PPD H Sinh học	Sinh học	Sinh học
79	Nguyễn Thị Thu Nga	1980	Nữ	TS	PGS	Công nghệ sinh học	Sinh học	Sinh học
80	Sỹ Danh Thường	1981	Nam	TS	PGS	Thực vật học	Sinh học	Sinh học
81	Cao Thị Phương Thảo	1969	Nữ	ĐH		Sinh học	Sinh học	Sinh học
82	Lương Thị Thúy Vân	1978	Nữ	TS		Trồng trọt	Sinh học	Sinh học
83	Từ Quang Tân	1979	Nam	TS	PGS	Di truyền & CGĐV	Sinh học	Sinh học
	Khoa Ngữ văn							
84	Cao Thị Hào	1976	Nữ	TS	PGS	VH Việt Nam	Ngữ văn	Ngữ văn
85	Dương Thu Hằng	1978	Nữ	TS	PGS	VH Việt Nam	Ngữ văn	Ngữ văn
86	Lưu Thu Trang	1989	Nữ	Th.S		VH nước ngoài	Ngữ văn	Ngữ văn
87	Ngô Thị Thanh Nga	1977	Nữ	TS		VH Việt Nam	Ngữ văn	Ngữ văn
88	Ngô Thị Thanh Quý	1973	Nữ	TS	PGS	VH dân gian	Ngữ văn	Ngữ văn
89	Ngô Thu Thủy	1983	Nữ	TS		VH Việt Nam	Ngữ văn	Ngữ văn
90	Nguyễn Diệu Thương	1986	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Ngữ văn	Ngữ văn
91	Nguyễn Thị Cẩm Anh	1987	Nữ	TS		VH nước ngoài	Ngữ văn	Ngữ văn
92	Nguyễn Thị Kiều Hương	1987	Nữ	TS		LL văn học	Ngữ văn	Ngữ văn

Nguyễn Cẩm

93	Nguyễn Thị Minh Thu	1981	Nữ	TS	PGS	VH dân gian	Ngữ văn	Ngữ văn
94	Nguyễn Thu Quỳnh	1983	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Ngữ văn	Ngữ văn
95	Nguyễn Văn Trung	1989	Nam	TS		Hán nô	Ngữ văn	Ngữ văn
96	Nông Thị Quỳnh Trâm	1982	Nữ	TS		LL văn học	Ngữ văn	Ngữ văn
97	Trần Thị Ngọc Anh	1981	Nữ	TS		LL văn học	Ngữ văn	Ngữ văn
98	Phùng Văn Tân	1978	Nam	Th.S		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
99	Dương Hoài Thương	1993	Nữ	TS		SP Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
100	Đào Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ	Th.S		LL&PPD H văn	Ngữ văn	Ngữ văn
101	Dương Nguyệt Vân	1978	Nữ	TS		VH Việt Nam	Ngữ văn	Ngữ văn
102	Hoàng Điệp	1976	Nữ	TS		VH Việt Nam	Ngữ văn	Ngữ văn
103	Lê Thị Hương Giang	1976	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Ngữ văn	Ngữ văn
104	Nguyễn Kiến Thọ	1968	Nam	TS		VH Việt Nam	Ngữ văn	Ngữ văn
105	Nguyễn Thị Bích	1979	Nữ	TS		LL&PPD H văn	Ngữ văn	Ngữ văn
106	Trần Thị Ngọc	1989	Nữ	TS		LL &PPDH văn-tiếng việt	Ngữ văn	Ngữ văn
107	Ngô Thị Thu Trang	1980	Nữ	TS		Hán nô	Ngữ văn	Ngữ văn
108	Nguyễn Nhật Huy	1987	Nam	Th.S		LL văn học	Ngữ văn	Ngữ văn
109	Đinh Thị Hải Yến	1971	Nữ	Th.S		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
	Khoa Lịch sử							

Nguyễn Anh

110	Hà Thị Thu Thủy	1975	Nữ	TS	PGS	LS Việt Nam	Lịch sử	Lịch sử
111	Nghiêm Thị Hải Yến	1974	Nữ	TS		LS Thế giới	Lịch sử	Lịch sử
112	Đỗ Hồng Thái	1962	Nam	TS	PGS	Giáo dục học	Lịch sử	Lịch sử
113	Nguyễn Thị Hải	1983	Nữ	TS		Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
114	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Nữ	TS		LS Thế giới	Lịch sử	Lịch sử
115	Hoàng Xuân Trường	1987	Nam	TS		LS Việt Nam	Lịch sử	Lịch sử
116	Nguyễn Văn Quyết	1986	Nam	TS		Nguyên lý GD học	Lịch sử	Lịch sử
117	Mai Văn Nam	1986	Nam	TS		LL & PPDH Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
118	Lê Thị Thu Hương	1969	Nữ	Th.S		LS Việt Nam	Lịch sử	Lịch sử
119	Lê Thị Thu Hương	1984	Nữ	TS		LL&PPD H sử	Lịch sử	Lịch sử
120	Nguyễn Thị Trang	1990	Nữ	TS		Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
121	Nguyễn Khánh Như	1986	Nữ	TS		LS Thế giới	Lịch sử	Lịch sử
122	Phạm Thùy Trang	1997	Nữ	Th.S		Sư phạm Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
123	Trần Dương Bắc	1997	Nam	ĐH		SP Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
124	Nguyễn Hồng Nhung	2000	Nữ	ĐH		SP Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
	Khoa Địa lý							
125	Dương Quỳnh Phương	1974	Nữ	TS	PGS	Địa lý KTXH	Địa lý	Địa lý

Nguyễn Văn Quyết

126	Hoàng Thanh Vân	1984	Nữ	TS		Địa lý TN	Địa lý	Địa lý
127	Trần Đức Văn	1982	Nam	Th.S		Địa lý TN	Địa lý	Địa lý
128	Nguyễn Phương Liên	1975	Nữ	TS	PGS	LL&PPD H Địa lý	Địa lý	Địa lý
129	Đỗ Văn Hào	1968	Nam	TS	PGS	LL&PPD H Địa lý	Địa lý	Địa lý
130	Nguyễn Thanh Mai	1989	Nữ	TS		Địa lý	Địa lý	Địa lý
131	Nghiêm Văn Long	1991	Nam	TS		Địa lý học	Địa lý	Địa lý
132	Lê Thị Nguyệt	1983	Nữ	TS		Địa lý tự nhiên	Địa lý	Địa lý
133	Phạm Thu Thủy	1983	Nữ	TS		Địa lý TN	Địa lý	Địa lý
134	Đỗ Vũ Sơn	1964	Nam	TS	PGS	LL&PPD H Địa	Địa lý	Địa lý
135	Nguyễn Thị Huyền	1990	Nữ	TS		Địa lý	Địa lý	Địa lý
136	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1975	Nữ	TS		Địa lý nhân văn	Địa lý	Địa lý
137	Phạm Tất Thành	1984	Nam	Th.S		Địa lý TN	Địa lý	Địa lý
138	Nông Thị Thúy	1973	Nữ	Th.S		LL&PPD H địa	Địa lý	Địa lý
139	Nguyễn Thị Thu Hà	1977	Nữ	Th.S		Địa lý	Địa lý	Địa lý
	Khoa Giáo dục chính trị							
140	Đoàn Thị Hồng Nhung	1992	Nữ	Th.S		LL&PPD H môn GDCT	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
141	Đồng Văn Quân	1962	Nam	TS		Triết học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
142	Hoàng Thu Thủy	1981	Nữ	TS		LS Đảng	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị

Nguyễn An

143	Lý Trung Thành	1976	Nam	TS		LS Đảng	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
144	Ngô Thị Lan Anh	1982	Nữ	TS		Triết học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
145	Nguyễn Thị Hạnh	1988	Nữ	Th.S		KT chính trị	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
146	Nguyễn Thị Hương	1975	Nữ	TS		CNXHK H	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
147	Nguyễn Thị Khương	1978	Nữ	TS		Triết học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
148	Nguyễn Thị Mão	1974	Nữ	Th.S		KT chính trị	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
149	Nguyễn Thị Thanh Hà	1981	Nữ	TS		Triết học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
150	Nguyễn Thị Thu Hiền	1982	Nữ	Th.S		Triết học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
151	Trần Thanh An	1990	Nữ	Th.S		LS Đảng	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
152	Trần Thị Lan	1979	Nữ	TS		CNXHK H	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
153	Vũ Thị Thủy	1979	Nữ	TS		HCM học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
154	Vũ Thúy Hằng	1986	Nữ	Th.S		Triết học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
155	Nguyễn Hữu Toàn	1979	Nam	TS		Lịch sử Đảng	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
156	Nguyễn Mai Anh	1987	Nữ	Th.S		Luật học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
157	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	Nữ	Th.S		GD Chính trị	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
158	Nguyễn Tuấn Anh	1980	Nam	TS		LS Đảng	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị
159	Thái Hữu Linh	1988	Nam	Th.S		GD Chính trị	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị

Nguyễn Đức

	Khoa Giáo dục Mầm non							
160	Mai Thanh Nga	1978	Nữ	TS		Hóa HC	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
161	Nguyễn Thị Quế Loan	1971	Nữ	TS	PGS	Nhân học văn hóa	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
162	Cao Thị Thu Hoài	1985	Nữ	TS		VH Việt Nam	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
163	Đinh Đức Hợi	1977	Nam	TS	PGS	Tâm lý học	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
164	Dương Thị Thúy Vinh	1982	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
165	Hoàng Thị Tú	1968	Nữ	Th.S		Toán học	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
166	Lê Thị Thanh Huệ	1985	Nữ	TS		GD Mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
167	Lê Thị Thương Thương	1984	Nữ	TS		GD Mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
168	Ngô Mạnh Dũng	1984	Nam	TS		Di truyền	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
169	Nguyễn Thị Hà	1978	Nữ	TS		LL&PPD H Sinh học	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
170	Nguyễn Thị Hoa	1985	Nữ	TS		LL&PPD H Văn - Tiếng việt	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
171	Nguyễn Thị Út Sáu	1982	Nữ	TS	PGS	Tâm lý học	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
172	Phạm Thị Hoài Thu	1978	Nữ	Th.S		Hình học	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
173	Trần Thị Minh Huệ	1977	Nữ	TS		LL&lịch sử GD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non

Nguyễn Đức

174	Trương Thị Thùy Anh	1989	Nữ	TS		Ngữ văn	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
175	Vũ Thị Phương Thảo	1989	Nữ	Th.S		Tâm lý học	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
176	Vũ Thị Thủy	1986	Nữ	TS		GD Mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
177	Vũ Trọng Lượng	1986	Nam	Th.S		SH thực nghiệm	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
178	Trần Thị Nhung	1986	Nữ	TS		VH Việt Nam	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
179	Lương Thị Hải Vân	1984	Nữ	TS		Hán nôm	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
180	Hoàng Thị Trà Mi	1985	Nữ	Th.S		Lịch sử thế giới	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
181	Nguyễn Đức Thắng	1984	Nam	TS		Khảo cổ học	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
182	Thái Quốc Bảo	1981	Nam	Th.S		LL&PPD H Vật lý	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
	Khoa Giáo dục tiểu học							
183	Đoàn Thị Minh Thái	1981	Nữ	Th.S		Khoa học MT	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
184	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Nữ	TS		LL&PPD H văn	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
185	Đỗ Mạnh Hải	1983	Nam	Th.S		Văn hóa học	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
186	Đỗ Thị Linh Chi	1981	Nữ	Th.S		Văn hóa học	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
187	Hồ Thủy Ngân	1985	Nữ	Th.S		Huấn luyện múa	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
188	Lâm Thùy Dương	1977	Nữ	TS		Giải tích	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học

Nguyễn Đức

189	Lê Thị Bình	1979	Nữ	Th.S		PPDH Vật lý	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
190	Lê Thị Thu Hương	1981	Nữ	TS	PGS	LL&PPD H Toán	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
191	Nguyễn Huy Vinh	1996	Nam	Th.S		Toán	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
192	Nguyễn Mạnh Tiến	1986	Nam	TS		ngôn ngữ	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
193	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
194	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Nữ	TS		GD học	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
195	Nguyễn Tú Quyên	1980	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
196	Nguyễn Văn Thiều	1980	Nam	Th.S		Văn hóa học	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
197	Nông Thị Trang	1980	Nữ	Th.S		Ngữ văn	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
198	Phạm Minh Thùy	1978	Nam	Th.S		Âm nhạc	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
199	Trần Ngọc Bích	1978	Nữ	TS		LL&PPD H Toán	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
200	Trần Thị Kim Hoa	1978	Nữ	TS		LL&PPD H văn	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
201	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1982	Nữ	TS		Lịch sử VN	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
202	Lương Ngọc Quỳnh	1982	Nam	Th.S		LL&PP dạy học âm nhạc	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
203	Đào Huyền Trang	1987	Nữ	Th.S		Mỹ thuật	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
204	Dương Thu Trang	1989	Nữ	Th.S		Mỹ thuật	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học

Nguyễn Anh

205	Nguyễn Thanh Tiến	1985	Nam	TS		Văn hóa học	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học
	Khoa Thể dục thể thao							
206	Trần Minh Khương	1976	Nam	Th.S		GD thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
207	Đỗ Ngọc Cương	1980	Nam	TS		GD thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
208	Nguyễn Văn Dũng	1968	Nam	Th.S		Huấn luyện TDTT	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
209	Đào Ngọc Anh	1978	Nam	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
210	Nguyễn Thị Hà	1989	Nữ	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
211	Lê Văn Hùng	1990	Nam	Th.S		Thể dục TT	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
212	Nguyễn Huy Ánh	1987	Nam	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
213	Mã Thiêm Phách	1990	Nam	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
214	Trần Thị Tú	1982	Nữ	TS		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
215	Võ Xuân Thủy	1985	Nam	TS		xã hội thể dục TT	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
216	Nguyễn Thành Trung	1980	Nam	Th.S		GD thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
217	Nguyễn Thị Thanh Vân	1989	Nữ	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
218	Nguyễn Đức Tuấn	1980	Nam	Th.S		GD thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
219	Nguyễn Nhạc	1988	Nam	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao

Nguyễn An

220	Nguyễn Đức Trường	1989	Nam	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
221	Nguyễn Duy Nam	1988	Nam	TS		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
222	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	Nam	TS		GD thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
223	Phạm Thị Bích Thảo	1986	Nữ	Th.S		Huấn luyện GDTTC	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
224	Trương Đức Mạnh	1994	Nam	Th.S		GD Thể chất	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
225	Nguyễn Tiến Lâm	1969	Nam	TS		TDTT	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
	Khoa Ngoại ngữ							
226	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1981	Nữ	TS		Ngôn ngữ học UD	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
227	Đỗ Thị Ngọc Phương	1988	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
228	Lê Thị Thu Hương	1982	Nữ	TS		Ngôn ngữ học UD	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
229	Mai Văn Cẩn	1968	Nam	Th.S		Khoa học - XHNV	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
230	Ngô Thị Bích Ngọc	1982	Nữ	TS		Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
231	Nguyễn Quốc Thủy	1964	Nam	Th.S		Khoa học - XHNV	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
232	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	1981	Nữ	Th.S		Tiếng Trung	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
233	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Nữ	TS		Ngôn ngữ học UD	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ



Nguyễn Công

234	Phạm Thị Kiều Oanh	1987	Nữ	TS		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
235	Phùng Thị Thanh Tú	1978	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
236	Trần Thị Thảo	1981	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
237	Trần Thị Yên	1987	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
238	Trần Thị Nam Phương	1993	Nữ	Th.S		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
239	Đoàn Hồng Hạnh	2000	Nữ	Th.S		Sư phạm tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
240	Ngô Thu Huyền	1998	Nữ	Th.S		Sư phạm Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
241	Phạm Trung Kiên	2000	Nam	Th.S		Sư phạm Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
242	Dương Thị Loan	1999	Nữ	ĐH		Sư phạm Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
243	Tô Thị Thuyền	1997	Nữ	ĐH		Sư phạm Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
244	Lê Huy Hoàng	1986	Nam	Th.S		Cử nhân Ngoại ngữ; Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
245	Vi Thị Trung	1969	Nữ	Th.S		Ngôn ngữ học UD	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ

Nguyễn Văn

246	Vũ Đình Bắc	1988	Nam	Th.S		Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
	Khoa Tâm lý giáo dục							
247	Hà Thị Kim Linh	1978	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học đại cương	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
248	Hoàng Trung Thắng	1978	Nam	TS		Giáo dục học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
249	Lê Như Hoa	1988	Nữ	Th.S		Tâm lý học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
250	Lê Thùy Linh	1981	Nữ	TS		Giáo dục học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
251	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
252	Bùi Việt Hoàng	1998	Nam	Th.S		Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
253	Đàm Thị Kim Thu	1989	Nữ	TS		GDH đặc biệt	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
254	Lê Thị Phương Hoa	1976	Nữ	TS		Tâm lý học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
255	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	Nữ	TS		Giáo dục học PT	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
256	Nguyễn Thị Ngọc	1982	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học đại cương	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
257	Phí Thị Hiếu	1978	Nữ	TS	PGS	Tâm lý học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
258	Dương Thị Nga	1976	Nữ	TS		khoa học giáo dục	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
259	Nguyễn Thị Tính	1964	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục

Nguyễn Anna

260	Đặng Thị Phương Thảo	1984	Nữ	TS		Giáo dục học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
261	Nguyễn Ngọc Hiếu	1981	Nam	Th.S		Giáo dục học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục
262	Phạm Văn Cường	1980	Nam	TS		Tâm lý học	Tâm lý giáo dục	Tâm lý giáo dục

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường